

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM BÍCH CHI
Số 36 /BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Trụ sở chính: 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP. SaĐéc, Đồng Tháp

Điện thoại: 0277.386.1910

Fax: 0277.3864.674

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thanh Bình

Địa chỉ: 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP. SaĐéc, Đồng Tháp

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

+ Di động : 0918.301.759 + Cơ quan : 0277.3861910 + Nhà riêng : 028.38225.502

Fax: 0277.3864674

Loại thông in công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường ☒ Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính (hợp nhất) soát xét 6 tháng năm 2020
- Báo cáo tài chính (riêng) soát xét 6 tháng năm 2020
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2020 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 – 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi (gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 968/QĐ-UB-HC ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400371184 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 30 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Mã chứng khoán: BFC

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại : 02773 681 910
- Fax : 02773 864 674

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm, đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ gạo, ngũ cốc, bột, tinh bột;

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này là:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Thanh Bình	Chủ tịch	24/04/2016
Ông Bùi Văn Sáu	Phó Chủ tịch	24/04/2016
Ông Trang Sĩ Đức	Thành viên	24/04/2016
Ông Phạm Hoàng Thái	Thành viên	24/04/2016
Ông Nguyễn Ngọc Tiểu	Thành viên	24/04/2016
Ông Mai Thế Khởi	Thành viên	16/04/2017
Bà Nguyễn Hương Liên	Thành viên	01/05/2019

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban	01/05/2019
Ông Trần Mạnh Hùng	Thành viên	24/04/2016
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	24/04/2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Thanh Bình	Tổng Giám đốc	01/05/2019	
Ông Bùi Văn Sáu	Phó Giám đốc	06/11/2018	
Ông Trang Sĩ Đức	Phó Giám đốc	06/11/2018	27/03/2020
Ông Phạm Hoàng Thái	Phó Giám đốc	01/04/2016	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Thanh Bình	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông PHẠM THANH BÌNH

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2020





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 020C/2020/BCSXHN-CT.00224

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi và Công ty con (gọi tắt là Tập đoàn), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020 từ trang 6 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Doanh nghiệp Kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 13 tháng 08 năm 2019 với kết luận chấp nhận toàn phần và báo cáo kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 24 tháng 02 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2020

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		250.563.146.354	230.004.813.148
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	48.490.118.734	57.438.506.394
Tiền	111		33.490.118.734	40.438.506.394
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		67.389.246.575	39.389.246.575
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	67.389.246.575	39.389.246.575
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.655.199.468	62.241.582.345
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54.222.111.567	56.646.798.599
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.464.544.725	2.891.255.525
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.966.539.029	3.900.278.985
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.196.750.764)	(1.196.750.764)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	198.754.911	-
Hàng tồn kho	140		72.849.491.177	67.797.446.789
Hàng tồn kho	141	5.8	72.849.491.177	67.797.446.789
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.179.090.400	3.138.031.045
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	73.077.823	194.908.595
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.995.819.115	2.832.928.988
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	110.193.462	110.193.462
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.455.376.630	86.767.523.825
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		59.599.019.274	67.763.834.961
Tài sản cố định hữu hình	221		59.369.019.274	67.533.834.952
Nguyên giá	222	5.10	194.462.683.309	192.362.778.309
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(135.093.664.035)	(124.828.943.357)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		230.000.000	230.000.009
Nguyên giá	228	5.11	354.500.000	354.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(124.500.000)	(124.499.991)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		19.103.276.918	17.800.297.503
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	19.103.276.918	17.800.297.503
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		753.080.438	1.203.391.361
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	753.080.438	1.203.391.361
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		330.018.522.984	316.772.336.973

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		60.593.829.225	92.697.838.724
Nợ ngắn hạn	310		60.593.829.225	92.697.838.724
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	9.993.545.687	13.429.508.639
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	3.320.019.078	6.112.975.877
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	12.036.440.074	7.263.041.264
Phải trả người lao động	314		4.538.537.750	9.876.198.324
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.076.945.958	19.276.396.592
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	24.071.560.700	31.955.498.050
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	4.556.779.978	4.784.219.978
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

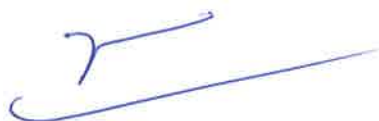
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.424.693.759	224.074.498.249
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	269.424.693.759	224.074.498.249
Vốn góp của chủ sở hữu	411		183.337.360.000	183.337.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		183.337.360.000	183.337.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.402.422.268	1.402.422.268
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.680.130.939	1.680.130.939
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.004.780.552	37.654.585.042
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.654.585.042	982.695.509
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.350.195.510	36.671.889.533
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		330.018.522.984	316.772.336.973



PHAN THỊ TUYẾT SƯƠNG
Người lập biểu



TRẦN VĂN THIỆU
Kế toán trưởng



PHẠM THANH BÌNH
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

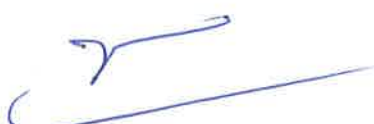
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	281.115.768.918	250.513.117.959
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1.2	5.191.468.352	4.532.485.978
Doanh thu thuần	10		275.924.300.566	245.980.631.981
Giá vốn hàng bán	11	6.2	191.674.960.895	190.383.593.923
Lợi nhuận gộp	20		84.249.339.671	55.597.038.058
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.840.904.790	1.443.564.321
Chi phí tài chính	22	6.4	802.858.401	1.255.457.354
Trong đó: chi phí lãi vay	23		377.533.794	1.130.077.089
Lãi hoặc (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	17.800.529.927	18.790.888.419
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	11.464.356.011	10.484.723.471
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.022.500.122	26.509.533.135
Thu nhập khác	31	6.7	743.271.686	416.427.085
Chi phí khác	32	6.8	838.507.156	3.210.245
Lợi nhuận khác	40		(95.235.470)	413.216.840
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.927.264.652	26.922.749.975
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	11.577.069.142	5.385.602.952
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.350.195.510	21.537.147.023
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		45.350.195.510	21.537.147.023
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.474	1.174



PHAN THỊ TUYẾT SƯƠNG
Người lập biểu



TRẦN VĂN THIỆU
Kế toán trưởng



PHẠM THANH BÌNH
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		56.927.264.652	26.922.749.975
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		10.264.720.687	9.988.379.507
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	265.555.444
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(244.688.519)	(366.544.051)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.994.949.993)	(799.047.029)
Chi phí lãi vay	06		377.533.794	1.130.077.089
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		65.329.880.621	37.141.170.935
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.690.837.885	(7.513.712.944)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.052.044.388)	10.971.225.186
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.274.410.028)	(13.562.585.271)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		572.141.695	482.973.616
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(377.533.794)	(1.130.077.089)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.289.331.263)	(4.193.314.123)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.960.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(233.400.000)	(143.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.372.100.728	22.052.330.310
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.402.884.415)	(7.871.603.730)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.250.000.000)	(10.250.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		8.250.000.000	5.250.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		597.993.236	799.047.029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.804.891.179)	(12.072.556.701)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	33.906.105.362	77.640.645.139
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(41.694.929.252)	(86.700.835.353)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.788.823.890)	(9.060.190.214)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.221.614.341)	919.583.395
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.438.506.394	28.040.553.682
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		273.226.681	515.331.401
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	48.490.118.734	29.475.468.478



PHAN THỊ TUYẾT SƯƠNG
Người lập biểu

TRẦN VĂN THIỀU
Kế toán trưởng

PHẠM THANH BÌNH
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm, đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ gạo, ngũ cốc, bột, tinh bột;

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

1.5.1 Thông tin về cấu trúc tập đoàn

Công ty con

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi ("BFC") sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Thực Phẩm Bích Chi 2 ("BFC2") là Công ty TNHH MTV được thành lập theo luật doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1402062488 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22 tháng 02 năm 2017. BFC2 có trụ sở đặt tại cụm Công nghiệp Tàu Cái Hạ - An Nhơn, thị trấn Tàu Cái Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

1.5.2 Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thực Phẩm Bích Chi 2 ("BFC2")	Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn, Thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm

1.5.3 Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Kho - Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi	Số 81-83-85-87. Đường số 2, KDC Tân Nhựt, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, TP.HCM. (KDC Amazing City)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 823 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

1995-G
CÔNG TY
HỘI HỮU
VỊ TOÁN
IẾT N
NHÂN
IN THO
G-TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Phân phối lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong kỳ, Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	391.097.681	406.648.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.099.021.053	40.031.857.791
Tiền gửi ngân hàng - VND	8.134.691.488	12.495.307.148
Tiền gửi ngân hàng - USD	24.964.329.565	27.536.550.643
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	15.000.000.000	17.000.000.000
	48.490.118.734	57.438.506.394

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2020:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt		
Tiền gửi ngân hàng - VND	1.079.772,04	24.964.329.565
		24.964.329.565

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	67.389.246.575	67.389.246.575	39.389.246.575	39.389.246.575

Số dư tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo, lãi suất từ 6,0%-7,6%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đồng Tháp, Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng TMCP Á Châu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đã cầm cố, thế chấp bảo đảm các khoản vay của Công ty là 2.000.000.000 VND (tại ngày 31/12/2019 là 2.000.000.000 VND).

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Flying trade Ltd.,	1.649.824.704	3.723.464.712
Quinworth Resources SDN BHD	8.924.953.488	2.408.503.401
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thành phố Hồ Chí Minh	2.743.219.113	4.868.275.425
FP SP.ZO.O (De Care Group Spolka Z.O.O)	6.199.332.064	4.405.112.650
Các khách hàng khác	34.704.782.198	41.241.442.411
	54.222.111.567	56.646.798.599

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Các khoản phải thu đang dùng thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tối thiểu tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 44.500.000.000 VND.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Cơ Khí Điện Tự Động Hóa Trung Dũng	594.000.000	432.900.000
Công ty TNHH Công nghệ NhoNho	249.250.000	232.750.000
Joong Won Engineering Co., Ltd	460.550.400	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Yến Phụng	-	627.005.000
Các nhà cung cấp khác	1.160.744.325	1.598.600.525
	2.464.544.725	2.891.255.525

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Tạm ứng	134.169.154	-	286.483.914	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-	17.735.100	-
Hoàn thuế GTGT	-	-	1.616.569.956	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.594.680.021	-	691.271.211	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.237.689.854	-	1.288.218.804	-
	2.966.539.029	-	3.900.278.985	-

5.6 Nợ xấu

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Khách hàng quá hạn từ 06 tháng đến 01 năm	1.146.144.461	802.301.123	1.146.144.461	802.301.123
Khách hàng quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm	1.055.865.909	527.932.954	1.055.865.909	527.932.954
Khách hàng quá hạn từ 02 đến dưới 3 năm	3.157.576	947.273	3.157.576	947.273
Khách hàng quá hạn trên 03 năm	322.764.168	-	322.764.168	-
	2.527.932.114	1.331.181.350	2.527.932.114	1.331.181.350

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2020	(1.196.750.764)	(1.196.750.764)
Số trích bổ sung trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2020	(1.196.750.764)	(1.196.750.764)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

		30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	(*)	198.754.911	-
		198.754.911	-

(*) Thiếu kiểm kê nguyên vật liệu và hàng hóa tại ngày 30/06/2020

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	49.635.631.294	-	48.312.914.718	-
Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang	10.419.715.072	-	8.324.297.153	-
Thành phẩm	7.531.943.665	-	7.446.121.135	-
Hàng gửi đi bán	5.262.201.146	-	3.714.113.783	-
	72.849.491.177	-	67.797.446.789	-

Hàng tồn kho đang dùng thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tối thiểu tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 44.500.000.000 VND.

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Bảo hiểm xe	33.494.494	125.550.276
Chi phí công cụ dụng cụ	18.958.329	69.358.319
Chi phí khác	20.625.000	-
	73.077.823	194.908.595

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	704.175.251	1.157.999.147
Chi phí trước hoạt động của BFC2	48.905.187	45.392.214
	753.080.438	1.203.391.361

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.10 Tính hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	65.248.444.833	122.398.624.253	4.254.609.223	461.100.000	192.362.778.309
Tăng do mua sắm	-	2.099.905.000	-	-	2.099.905.000
Tại ngày 30/06/2020	65.248.444.833	124.498.529.253	4.254.609.223	461.100.000	194.462.683.309
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	40.367.433.109	80.846.544.168	3.401.932.740	213.033.340	124.828.943.357
Khấu hao trong kỳ	2.342.274.400	7.751.279.430	131.156.844	40.010.004	10.264.720.678
Tại ngày 30/06/2020	42.709.707.509	88.597.823.598	3.533.089.584	253.043.344	135.093.664.035
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	24.881.011.724	41.552.080.085	852.676.483	248.066.660	67.533.834.952
Tại ngày 30/06/2020	22.538.737.324	35.900.705.655	721.519.639	208.056.656	59.369.019.274
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2020	13.574.368.699	27.734.163.413	2.097.256.597	61.000.000	43.466.788.709
Tại ngày 30/06/2020	14.556.135.114	30.272.824.455	2.097.256.597	61.000.000	46.987.216.166
Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:					
Tại ngày 01/01/2020	24.881.011.724	41.552.080.085	852.676.483	248.066.660	67.533.834.952
Tại ngày 30/06/2020	22.538.737.324	35.900.705.655	721.519.639	208.056.656	59.369.019.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	230.000.000	124.500.000	354.500.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	230.000.000	124.500.000	354.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	-	124.499.991	124.499.991
Khấu hao trong kỳ	-	9	9
Tại ngày 30/06/2020	-	124.500.000	124.500.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	230.000.000	9	230.000.009
Tại ngày 30/06/2020	230.000.000	-	230.000.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2020	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	-	124.500.000	-

Tài sản cố định vô hình là Giá trị Quyền sử đất tại đường số 7A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh do UBND Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 05/04/2004.

Quyền sử đất này hiện đang được thế chấp tại Hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định	30/06/2020
Mua sắm tài sản cố định				
Thiết bị sản xuất nui	536.700.500	-	-	536.700.500
Quyền sử dụng đất	6.491.764.767	-	-	6.491.764.767
Các thiết bị khác	576.033.307	-	-	576.033.307
Xây dựng Cơ bản dở dang				
Gia công máy đun ống hút gạo	287.649.272	-	-	287.649.272
Gia công máy quếch BPT	-	403.608.591	-	403.608.591
Nâng cấp phân xưởng bánh tráng	-	899.370.824	-	899.370.824
Xây dựng nhà máy Bích Chi 2	9.908.149.657	-	-	9.908.149.657
Tổng cộng	17.800.297.503	1.302.979.415	-	19.103.276.918

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả cho các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH SX - TM Bao Bì Tân Tiến Phát Tài	1.167.280.481	2.945.882.113
Công ty TNHH Tân Thúy	3.057.450.000	-
Công ty TNHH Đặng Hùng Duy	-	2.006.400.000
Các nhà cung cấp khác	5.768.815.206	8.477.226.526
Tổng cộng	9.993.545.687	13.429.508.639

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI
 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.14	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
	Người mua trả tiền trước - Các tổ chức và cá nhân khác		
	PUREUNFOOD CO.,LTD (GOEUN CO.,LTD)	856.966.500	1.246.137.420
	CÔNG TY TNHH TM-DV KIM VẠN HƯNG	437.761.800	-
	NORTHFIELD ENTERPRISES INT'L INC	410.989.460	180.258.000
	P.D.JAYA ABADI (INKOPAD)	396.455.916	953.638.016
	Các khách hàng khác	1.217.845.402	3.732.942.441
		3.320.019.078	6.112.975.877

5.15	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phát sinh trong kỳ				30/06/2020	01/01/2020
		Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	110.193.462	-	-	-	110.193.462
	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	359.091.765	(359.088.440)	3.325	-
	Thuế nhập khẩu	-	-	572.867.150	(572.867.150)	-	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.289.331.263	-	11.577.069.142	(6.289.331.263)	11.577.069.142	-
	Thuế thu nhập cá nhân	973.710.001	-	382.378.352	(1.323.200.603)	32.887.750	-
	Thuế tài nguyên	-	-	426.479.857	-	426.479.857	-
	Tiền thuế đất	-	-	15.048.720	(15.048.720)	-	-
	Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
		7.263.041.264	110.193.462	13.335.934.986	(8.562.536.176)	12.036.440.074	110.193.462

A48
 CỘNG
 HÒA
 HỮU
 NGHĨ
 VIỆT
 NAM
 CHỦ
 NGHĨA
 XÃ HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh trong nước với thuế suất là 10%.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan

Thuế đất

Công ty đóng thuế sử dụng đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế địa phương

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty đang áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

Công ty con hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4264464118 Công ty TNHH TMV Thực Phẩm Bích Chì 2 được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% trong 10 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành:

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.927.264.652	26.922.749.975
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN:	958.081.060	5.264.784
- Các khoản điều chỉnh tăng	958.081.060	5.264.784
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	57.885.345.712	26.928.014.759
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế TNDN hiện hành	11.577.069.142	5.385.602.952

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	885.556.617	786.529.277
Cổ tức	-	17.417.049.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	937.366.921	1.072.818.115
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	254.022.420	-
	2.076.945.958	19.276.396.592

(*) Thừa kiểm kê nguyên vật liệu và hàng hóa tại ngày 30/06/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp (a)	8.695.373.600	8.695.373.600	23.928.061.500	23.928.061.500
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - CN HCM (b)	15.128.387.100	15.128.387.100	7.653.936.550	7.653.936.550
Vay cán bộ nhân viên công ty (c)	247.800.000	247.800.000	373.500.000	373.500.000
	24.071.560.700	24.071.560.700	31.955.498.050	31.955.498.050

Thông tin chi tiết về từng khoản vay ngắn hạn:

(a) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng cho vay theo hạn mức Số: 54/2019/VCB.ĐT - CRC ký ngày 03 tháng 10 năm 2019

- Hạn mức cho vay : 70.000.000.000 VND
- Thời hạn cho vay : 6 tháng
- Mục đích vay : Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Lãi suất : 2,8%/năm - 3,2%/năm
- Tài sản thế chấp :
 - * Theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 32/2017/VCB - ĐT ngày 13/2/2017
 - Phân xưởng sản xuất và văn phòng làm việc với diện tích 6.710,04m² theo Giấy chứng nhận QSH Công trình xây dựng số 008/TXSD do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/12/2017
 - Nhà ở công nhân với diện tích 590m² theo Giấy chứng nhận QSH Công trình xây dựng số 878672991100107 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/12/2004
 - Nhà xưởng sản xuất bột tươi với diện tích 1,289,4m² theo Giấy chứng nhận QSH Công trình xây dựng số 878672991100111 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/06/2008
 - Quyền sử dụng đất làm nhà ở với diện tích 138m² tại đường số 7A, phường Bình Trị Đông B, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận QSH số w032059 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 05/04/2004
 - * Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 34/2017/VCB - ĐT ngày 13/2/2017
 - Máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ đang hiện hữu tại số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
 - * Hợp đồng thế chấp hàng hóa Số: 79/2019/VCB.ĐT - CRC ký vào tháng 12 năm 2019
 - Các khoản phải thu và hàng tồn kho có giá trị luân chuyển tối thiểu là 29.102.150.096 VNĐ
- Số dư vay tại thời điểm 30/06/2020 : 8.695.373.600 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

(b) Đây là khoản vay của Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng thương mại Số HCM/2018/026/HDTD_BICHCHI ký ngày 12 tháng 10 năm 2018

- Hạn mức cho vay : 40.000.000.000 VND
- Thời hạn cho vay : Dưới 12 tháng
- Mục đích vay : Mua nguyên vật liệu, hàng hóa trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động kinh doanh
- Lãi suất : 2,5%/năm - 3%/năm
- Tài sản thế chấp : 100% tổng giá trị của các khoản Tiền gửi có kỳ hạn bằng tiền việt nam đồng
 - Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị tối thiểu 2.000.000.000 đồng
 - * Theo Hợp đồng thế chấp HCM/2018/026/HDTG/BICHCHI ngày 12 tháng 10 năm 2018
 - Các khoản phải thu và hàng tồn kho có giá trị tối thiểu là 44.500.000.000 VNĐ
- Số dư vay tại thời điểm 30/06/2020 : 15.128.387.100 VND

(c) Đây là khoản vay cán bộ công nhân viên của công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động, khoản tiền lãi này được trả một lần vào cuối năm với lãi suất 8%/năm

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2020 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	30/06/2020 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.581.998.050	33.626.005.362	(41.289.129.252)	(95.113.460)	23.823.760.700
Vay ngắn hạn các nhân khác	373.500.000	280.100.000	(405.800.000)	-	247.800.000
	31.955.498.050	33.906.105.362	(41.694.929.252)	(95.113.460)	24.071.560.700

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2020 VND	Tăng do khen thưởng VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2020 VND
Quỹ khen thưởng	3.754.467.713	5.960.000	(32.600.000)	3.727.827.713
Quỹ phúc lợi	1.029.752.265	-	(200.800.000)	828.952.265
	4.784.219.978	5.960.000	(233.400.000)	4.556.779.978

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	171.343.870.000	1.402.422.268	1.680.130.939	12.976.185.509	187.402.608.716
Lãi trong kỳ	-	-	-	21.537.147.023	21.537.147.023
Bổ sung từ lợi nhuận	11.993.490.000	-	-	-	11.993.490.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(11.993.490.000)	(11.993.490.000)
Thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	(108.000.000)	(108.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	183.337.360.000	1.402.422.268	1.680.130.939	22.411.842.532	208.831.755.739
Tại ngày 01/07/2019	183.337.360.000	1.402.422.268	1.680.130.939	22.411.842.532	208.831.755.739
Lãi trong kỳ	-	-	-	43.351.346.510	43.351.346.510
Trích lập quỹ công tác từ thiện	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	(108.000.000)	(108.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(27.500.604.000)	(27.500.604.000)
Tại ngày 31/12/2019	183.337.360.000	1.402.422.268	1.680.130.939	37.654.585.042	224.074.498.249
Tại ngày 01/01/2020	183.337.360.000	1.402.422.268	1.680.130.939	37.654.585.042	224.074.498.249
Lãi trong kỳ	-	-	-	45.350.195.510	45.350.195.510
Tại ngày 30/06/2020	183.337.360.000	1.402.422.268	1.680.130.939	83.004.780.552	269.424.693.759

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Thành viên

	30/06/2020	Tỷ lệ (%)	01/01/2020	Tỷ lệ (%)
	VND		VND	
Phạm Thanh Bình	26.040.670.000	14,20	26.040.670.000	14,20
Bùi Văn Sáu	18.348.460.000	10,01	18.348.460.000	10,01
Nguyễn Hương Liên	17.829.620.000	9,73	17.829.620.000	9,73
Nguyễn Thị Ngọc Hà	12.973.510.000	7,08	12.973.510.000	7,08
Vũ Văn Hải	10.933.260.000	5,96	10.933.260.000	5,96
Trần Thị Nhựt	10.841.330.000	5,91	10.841.330.000	5,91
Trang Sĩ Đức	9.174.220.000	5,00	9.174.220.000	5,00
Các cổ đông khác	77.196.290.000	42,11	77.196.290.000	42,11
	183.337.360.000	100,00	183.337.360.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.19.3 Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.333.736	18.333.736
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	18.333.736	18.333.736
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.333.736	18.333.736
Cổ phiếu phổ thông	18.333.736	18.333.736
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.20.1 Ngoại tệ các loại

	30/06/2020	01/01/2020
- Đô la Mỹ (USD)	1.079.772,04	1.191.542,65

5.20.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2020		01/01/2020	
	Ngoại tệ (USD)	Số tiền	Ngoại tệ (USD)	Số tiền
Royal Foods - Paris	33.032,00	706.224.160	33.032,00	706.224.160
S & B Herba Foods Limited - UK	30.213,00	645.953.940	30.213,00	645.953.940
Good Life Handels GMBH - Germany	30.132,00	644.222.160	30.132,00	644.222.160
Trans Actions Sarl - Senegal	27.000,00	577.260.000	27.000,00	577.260.000
Kim Sun Trading Co., Ltd - UK	24.600,00	394.362.600	24.600,00	394.362.600
Link Korea Co., Ltd - Korea	11.382,41	243.355.926	11.382,41	243.355.926
All in One Solution Limited - Canada	15.927,60	241.304.038	15.927,60	241.304.038
Saigon Sairopa Deutschland GMBH	6.120,00	130.845.600	6.120,00	130.845.600
Các khách hàng nước ngoài khác	18.277,69	292.325.476	18.277,69	292.325.476
Các khách hàng nội địa khác	-	274.958.820	-	274.958.820
	196.684,70	4.150.812.720	196.684,70	4.150.812.720

AB99
CÔNG
NHIỆM
ẾM TC
VIỆT
H NH
ÂN TH
G-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	280.339.332.926	249.582.467.553
Doanh thu cung cấp dịch vụ	776.435.992	930.650.406
	281.115.768.918	250.513.117.959

6.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Chiếu khấu thương mại	5.072.171.003	4.502.771.097
Hàng bán trả lại	119.297.349	29.714.881
	5.191.468.352	4.532.485.978

6.2 Giá vốn hàng bán

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	191.609.621.507	190.280.255.695
Giá vốn dịch vụ	65.339.388	103.338.228
	191.674.960.895	190.383.593.923

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.994.949.993	797.586.613
Lãi do chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	601.266.278	279.433.657
Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	244.688.519	366.544.051
	2.840.904.790	1.443.564.321

6.4 Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	377.533.794	1.130.077.089
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	425.324.607	125.380.265
	802.858.401	1.255.457.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

6.5 Chi phí bán hàng

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.152.602.891	861.943.737
Chi phí trung chuyển, bốc vác	9.877.242.038	9.364.564.191
Chi phí hoa hồng bán hàng	5.044.062.052	5.662.404.866
Chi phí quảng cáo - chào hàng	1.531.796.102	2.327.056.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.156.844	574.918.959
Các chi phí khác	63.670.000	-
	17.800.529.927	18.790.888.419

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.009.250.603	5.502.622.402
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	683.626.092	816.800.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.524.213.931	1.885.363.784
Chi phí thuê đất	429.479.857	-
Chi phí dự phòng	-	265.555.444
Các chi phí khác	1.817.785.528	2.014.380.907
	11.464.356.011	10.484.723.471

6.7 Thu nhập khác

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Thu tiền trực in bao bì	436.369.475	-
Thu tiền cước tàu	106.653.750	-
Thu nhập khác	200.248.461	416.427.085
	743.271.686	416.427.085

6.8 Chi phí khác

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Chênh lệch thành phẩm giữa sổ sách và thực tế từ các năm trước	835.864.689	-
Chi phí khác	2.642.467	3.210.245
	838.507.156	3.210.245

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	109.106.111.036	142.544.811.605
Chi phí nhân công	41.342.734.977	30.218.442.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.264.720.687	9.988.379.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.194.379.712	33.659.747.396
Chi phí khác	6.879.953.377	-
	226.787.899.789	216.411.381.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.350.195.510	21.537.147.023
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	(108.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.350.195.510	21.429.147.023
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.333.736	18.333.736
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.474	1.174

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	33.906.105.362	77.640.645.139

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	41.694.929.252	86.700.835.353

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2020			
Các khoản vay và nợ	24.071.560.700	-	24.071.560.700
Phải trả người bán	9.993.545.687	-	9.993.545.687
Phải trả khác	937.366.921	-	937.366.921
	35.002.473.308	-	35.002.473.308
Ngày 01 tháng 01 năm 2020			
Các khoản vay và nợ	31.955.498.050	-	31.955.498.050
Phải trả người bán	13.429.508.639	-	13.429.508.639
Phải trả khác	18.489.867.315	-	18.489.867.315
	63.874.874.004	-	63.874.874.004

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng các khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 30 tháng 06 năm 2020 (xem tại thuyết minh 5.3, 5.8 và 5.10 và 5.11).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	55.418.862.331	57.843.549.363	55.418.862.331	57.843.549.363
Phải thu khác	2.966.539.029	3.900.278.985	2.966.539.029	3.900.278.985
	58.385.401.360	61.743.828.348	58.385.401.360	61.743.828.348
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	24.071.560.700	31.955.498.050	24.071.560.700	31.955.498.050
Phải trả người bán	9.993.545.687	13.429.508.639	9.993.545.687	13.429.508.639
Phải trả khác	937.366.921	18.489.867.315	937.366.921	18.489.867.315
	35.002.473.308	63.874.874.004	35.002.473.308	63.874.874.004

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Lương, thưởng, thù lao	1.861.492.000	2.303.664.253
Cổ tức	-	1.703.595.600

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chưa phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với công ty con.

Công ty chưa phát sinh giao dịch phát sinh mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

9.1.3 Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu đã trình bày tại 31/12/2019 VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu trình bày tại 01/01/2020 VND
Bảng cân đối kế toán				
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.157.999.147	45.392.214	1.203.391.361
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	37.609.192.828	45.392.214	37.654.585.042

		06 tháng đầu năm 2019 đã trình bày	Các điều chỉnh	06 tháng đầu năm 2019 trình bày lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.445.066.621	(1.502.300)	1.443.564.321
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.499.399.576	(14.676.105)	10.484.723.471
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	26.909.576.170	13.173.805	26.922.749.975
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	26.909.576.170	13.173.805	26.922.749.975
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	496.147.421	(13.173.805)	482.973.616

Các điều chỉnh trên do sai sót của các năm trước.

9.1.4 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến lương thực, thực phẩm.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

06 tháng đầu năm 2020	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	171.919.883.919	104.004.416.647	275.924.300.566
Chi phí phân bổ	(115.849.840.129)	(75.825.120.766)	(191.674.960.895)
Kết quả kinh doanh bộ phận	56.070.043.790	28.179.295.881	84.249.339.671
Chi phí không phân bổ			(29.264.885.938)
Thu nhập hoạt động tài chính			2.840.904.790
Chi phí hoạt động tài chính			(802.858.401)
Thu nhập khác			743.271.686
Chi phí khác			(838.507.156)
Lợi nhuận trước thuế			56.927.264.652
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(11.577.069.142)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			45.350.195.510

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ
45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Vào ngày 30/06/2020

Tài sản và nợ phải trả

Tài sản không phân bổ

330.018.522.984

Tổng tài sản

330.018.522.984

Nợ phải trả không phân bổ

60.593.829.225

Tổng nợ phải trả

60.593.829.225

06 tháng đầu năm 2019

Doanh thu thuần

153.187.950.381

92.792.681.600

245.980.631.981

Chi phí phân bổ

(111.867.101.609)

(78.516.492.314)

(190.383.593.923)

Kết quả kinh doanh bộ phận

41.320.848.772

14.276.189.286

55.597.038.058

Chi phí không phân bổ

(29.275.611.890)

Thu nhập hoạt động tài chính

1.443.564.321

Chi phí hoạt động tài chính

(1.255.457.354)

Thu nhập khác

416.427.085

Chi phí khác

(3.210.245)

Lợi nhuận trước thuế

26.922.749.975

Chi phí thuế TNDN hiện hành

(5.385.602.952)

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế TNDN

21.537.147.023

Vào ngày 01/01/2020

Tài sản và nợ phải trả

Tài sản không phân bổ

316.772.336.973

Tổng tài sản

316.772.336.973

Nợ phải trả không phân bổ

92.697.838.724

Tổng nợ phải trả

92.697.838.724

9.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phan Thị Tuyết Sương
Người lập biểu

Trần Văn Thiệu
Kế toán trưởng



Phạm Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM BÍCH CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Số 55 / BC.HĐQT
V/v giải trình chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN
6 tháng năm 2020 tăng hơn 10%
so với cùng kỳ năm 2019.

TP.Sa Đéc, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**Kính gửi : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội**

Tên Công Ty : Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi
Địa chỉ : 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Thông Tư số 155/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;

Nội dung công bố thông tin:

Giải trình về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN của 6 tháng năm 2020 chênh lệch tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2019 :

+ Căn cứ Báo cáo tài chính soát xét (riêng) 6 tháng năm 2020 của Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi :

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2019 : 21.542.411.807 đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2020 : 45.350.195.510 đồng

Chênh lệch tăng 23.807.783.703 đồng # +201,51% so với năm 2019

+ Căn cứ Báo cáo tài chính soát xét (hợp nhất) 6 tháng năm 2020 của Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi :

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2019 : 21.523.973.218 đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2020 : 45.350.195.510 đồng

Chênh lệch tăng 23.826.222.292 đồng # +201,69 % so với năm 2019

Nguyên nhân :

- Lợi nhuận tăng do Doanh thu bán hàng tăng .
- Chi phí tài chính giảm và tiết kiệm chi phí nguyên-nhiên-vật liệu trong quá trình sản xuất .

Trên đây là giải trình về lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2020 tăng hơn 10% so với lợi nhuận sau thuế TNDN cùng kỳ năm 2019.

Trân trọng,

Tổng Giám Đốc



Phạm Thanh Bình